ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO HƯNG

Mẫu số 01/QTNĐ
(kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025

(Kèm theo văn bản số: 223 ngày 18 tháng 03 Năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Giao Hưng)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN…(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Luỹ kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)				
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14*	*15=10-11-14*	*16*	*17=18+19*	*18*	*19*	*20*	*21=16-17-20*	*22*	*23=9+12+18*	*24=7-8-9+13+19*	*25=6-8+11+17-22*
	TỔNG SỐ			**170.029.901.000**	**21.378.299.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**54.616.109.000**	**53.985.995.000**	**53.985.995.000**	**0**	**549.507.000**	**80.607.000**	**0**	**53.985.995.000**	**0**	**75.364.294.000**
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	- Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																							
	Vốn trong nước			**170.029.901.000**	**21.378.299.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**54.616.109.000**	**53.985.995.000**	**53.985.995.000**	**0**	**549.507.000**	**80.607.000**	**0**	**53.985.995.000**	**0**	**75.364.294.000**
A	**Các dự án thuộc kế hoạch năm 2025**			**170.029.901.000**	**21.378.299.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**54.616.109.000**	**53.985.995.000**	**53.985.995.000**	-	**549.507.000**	**80.607.000**	-	**53.985.995.000**	-	**75.364.294.000**
I	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:**			**148.313.896.000**	**21.378.299.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**49.348.354.000**	**48.718.240.000**	**48.718.240.000**	-	**549.507.000**	**80.607.000**	-	**48.718.240.000**	-	**70.096.539.000**
1.1	**Vốn trong nước**			**148.313.896.000**	**21.378.299.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**49.348.354.000**	**48.718.240.000**	**48.718.240.000**	**0**	**549.507.000**	**80.607.000**	**0**	**48.718.240.000**	**0**	**70.096.539.000**
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực):An ninh và trật tự an toàn xã hội (041)			**253.260.000**	**231.394.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10.678.000**	**10.678.000**	**10.678.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10.678.000**	**0**	**242.072.000**
1	Xây dựng nhà bếp ăn ban công an xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	253.260.000	231.394.000										10.678.000	10.678.000	10.678.000			0		10.678.000		242.072.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực):Giáo dục mầm non (071)			**12.612.137.000**	**2.712.345.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.649.438.000**	**2.509.438.000**	**2.509.438.000**	**0**	**140.000.000**	**0**	**0**	**2.509.438.000**	**0**	**5.221.783.000**
1	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên trường Mầm non xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	1.124.892.000	0										213.631.000	213.631.000	213.631.000					213.631.000		213.631.000
2	Các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	996.297.000											489.879.000	489.879.000	489.879.000					489.879.000		489.879.000
3	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	490.000.000	0										475.505.000	475.505.000	475.505.000					475.505.000		475.505.000
4	Cải tạo, sửa chữa nền nhà đa năng, tường rào trường MN xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	249.846.000	0										245.532.000	245.532.000	245.532.000					245.532.000		245.532.000
5	Cải tạo, NC các trường học trên địa bàn xã Giao Hưng tỉnh Ninh Bình	KBNN khu vực V - PGD số 7	8161449	2.401.369.000											70.000.000	0	0		70.000.000			0		0
6	CT, NC trường mầm non Minh Châu cũ xã Giao Hưng	KBNN khu vực V - PGD số 7	8161449	1.998.552.000	0										70.000.000	0	0		70.000.000			0		0
7	Nâng cấp, cải tạo trường mầm non xã Giao Nhân. Hạng mục: tường rào gạch, rãnh thoát nước, san lấp, sân bê tông	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	497.675.000	200.000.000										278.018.000	278.018.000	278.018.000					278.018.000		478.018.000
8	Xây dựng nhà đa năng trường MN xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	4.853.506.000	2.512.345.000										806.873.000	806.873.000	806.873.000					806.873.000		3.319.218.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực):Giáo dục tiểu học (072)			**41.766.626.000**	**6.355.750.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**14.133.574.000**	**14.127.055.000**	**14.127.055.000**	**0**	**0**	**6.519.000**	**0**	**14.127.055.000**	**0**	**20.482.805.000**
1	Xây dựng nhà học 3 tầng 9 phòng học Trường Tiểu học xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	9.902.072.000	0										4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000			0		4.000.000.000		4.000.000.000
2	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	3.799.811.000	0										3.698.926.000	3.698.926.000	3.698.926.000					3.698.926.000		3.698.926.000
3	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	783.716.000	0										747.770.000	747.770.000	747.770.000					747.770.000		747.770.000
4	Xây dựng nhà chờ học sinh, rãnh nước, đường bê tông, bồn cây trước Trường tiểu học xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	996.731.000											489.954.000	489.954.000	489.954.000					489.954.000		489.954.000
5	Cải tạo, nâng cấp các HMPT trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	426.843.000	0										397.951.000	397.500.000	397.500.000			451.000		397.500.000		397.500.000
6	Xây dựng nhà 2 tầng 8 phòng học và các khu phụ trợ Trường Tiểu học xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	6.957.662.000	5.255.750.000										1.489.673.000	1.489.673.000	1.489.673.000					1.489.673.000		6.745.423.000
7	Nha 2 tầng 8 phòng học và các HMPT trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	6.912.785.000	500.000.000										1.580.505.000	1.574.765.000	1.574.765.000			5.740.000		1.574.765.000		2.074.765.000
8	Nhà đa năng, nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	7.451.928.000											84.128.000	83.800.000	83.800.000			328.000		83.800.000		83.800.000
9	Xây dựng nhà đa năng trường TH Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	3.757.729.000											1.596.164.000	1.596.164.000	1.596.164.000					1.596.164.000		1.596.164.000
10	Xây dựng nhà vệ sinh trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	777.349.000	600.000.000										48.503.000	48.503.000	48.503.000					48.503.000		648.503.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực):Giáo dục trung học cơ sở (073)			**4.012.972.000**	**500.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.599.091.000**	**2.590.292.000**	**2.590.292.000**	**0**	**0**	**8.799.000**	**0**	**2.590.292.000**	**0**	**3.090.292.000**
1	Xây dựng nhà vệ sinh THCS xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	907.387.000	0										893.817.000	892.379.000	892.379.000			1.438.000		892.379.000		892.379.000
2	Cải tạo, nâng cấp sân trường THCS xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	1.060.251.000	500.000.000										550.834.000	543.473.000	543.473.000			7.361.000		543.473.000		1.043.473.000
4	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	1.060.251.000	0										372.325.000	372.325.000	372.325.000					372.325.000		372.325.000
5	Cải tạo, nâng cấp mái chống dột, chống nóng trường THCS xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	192.464.000											184.806.000	184.806.000	184.806.000					184.806.000		184.806.000
6	Cải tạo, nâng cấp tường rào, quét vôi nhà lớp học trường THCS xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	465.622.000	0										447.309.000	447.309.000	447.309.000					447.309.000		447.309.000
8	Xây dựng bờ ao, đường bê tông Trường THCS xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	326.997.000											150.000.000	150.000.000	150.000.000					150.000.000		150.000.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Khám bệnh, chữa bệnh (132)			**6.988.469.000**	**1.840.869.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**372.300.000**	**372.300.000**	**372.300.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**372.300.000**	**0**	**2.213.169.000**
1	Xây dựng trạm y tế xã Giao Châu: Hạng mục nhà khám và điều trị + Hạng mục phụ trợ	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	3.734.460.000											115.251.000	115.251.000	115.251.000					115.251.000		115.251.000
2	Xây dựng Trạm Y Tế xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	3.254.009.000	1.840.869.000										257.049.000	257.049.000	257.049.000					257.049.000		2.097.918.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Văn hóa (161)			**767.583.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**755.354.000**	**755.354.000**	**755.354.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**755.354.000**	**0**	**755.354.000**
1	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa và 1 số hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	767.583.000											755.354.000	755.354.000	755.354.000					755.354.000		755.354.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Xử lý chất thải rắn (261)			**6.948.180.000**	**2.150.190.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.111.136.000**	**3.111.136.000**	**3.111.136.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.111.136.000**	**0**	**5.261.326.000**
1	Cải tạo, sửa chữa bãi rác Giao Nhân, Giao Long xã Giao Hưng	KBNN khu vực V - PGD số 7	8161449	1.797.692.000											1.698.301.000	1.698.301.000	1.698.301.000					1.698.301.000		1.698.301.000
2	Cải tạo, NC bãi xử lý rác thải xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	651.045.000											640.299.000	640.299.000	640.299.000					640.299.000		640.299.000

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Luỹ kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)				
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22	23=9+12+18	24=7-8-9+13+19	25=6-8+11+17-22
3	Xây dựng mua sắm lò đốt rác xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	4.499.443.000	2.150.190.000										772.536.000	772.536.000	772.536.000					772.536.000		2.922.726.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Giao thông đường bộ (292)			**52.117.822.000**	**4.851.300.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18.590.186.000**	**18.465.390.000**	**18.465.390.000**	**0**	**59.507.000**	**65.289.000**	**0**	**18465.390.000**	**0**	**23.316.690.000**
1	Đường giao thông nội đồng xóm Trường Thành xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	824.623.000											739.710.000	739.710.000	739.710.000					739.710.000		739.710.000
2	Đường giao thông nội đồng xóm Hồng Hải xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	707.148.000	0										372.605.000	372.605.000	372.605.000					372.605.000		372.605.000
3	Cải tạo các tuyến đường trục liên xóm, liên xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	5.996.418.000	1.500.000.000										4.121.545.000	4.121.545.000	4.121.545.000					4121.545.000		5.621.545.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Châu (đoạn từ cầu Sa Châu kết nối với đường bộ ven biển và đoạn từ xóm mới thủy thành đi xóm Châu Sơn)	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	6.852.342.000											1.782.717.000	1.782.717.000	1.782.717.000					1.782.717.000		1.782.717.000
5	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã và kè bờ sông phía Đông (Tuyến từ đập Phai xóm 1 đến cầu Đình xóm 2) xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	9.949.714.000											1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000					1.000.000.000		1.000.000.000
6	Sửa chữa đổ bê tông đường sông Cán Hương đoạn từ cống Chăn Đê đến cống Tuyển	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	1.154.516.000											1.138.366.000	1.138.366.000	1.138.366.000					1138.366.000		1.138.366.000
7	Đường giao thông nội đồng xóm Ngường nhân xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	629.772.000											563.996.000	563.996.000	563.996.000					563.996.000		563.996.000
9	Đường giao thông nội đồng xóm Duyên Thọ xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	662.788.000											593.770.000	593.770.000	593.770.000					593.770.000		593.770.000
11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước đường liên xóm từ cầu Chương cũ đến nhà VH xóm Thủy Thành	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	105.153.000											108.043.000	97.515.000	97.515.000			10.528.000		97.515.000		97.515.000
12	Đường bê tông lối vào cổng trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	533.527.000											559.035.000	505.299.000	505.299.000			53.736.000		505.299.000		505.299.000
13	Sửa chữa xây cơi lề đường, xây bồn hoa, đổ bê tông lề đường kênh Cồn Nhất đoạn từ cầu Chương mới đến giáp xã Giao Yến	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	571.471.000											561.106.000	561.106.000	561.106.000					561.106.000		561.106.000
14	Xây dựng cầu trên đường trục thuộc địa bàn xóm 2 xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	550.000.000											493.671.000	493.671.000	493.671.000					493.671.000		493.671.000
15	Cải tạo, nâng cấp đoạn đổ bê tông đường nội đồng xóm Lạc Thuần(Đoạn từ trường tiểu học Giao Châu đến kênh Chùa Tiên Chương)	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	643.669.000											632.458.000	632.458.000	632.458.000					632.458.000		632.458.000
16	XD kè và tuyến đường hoa nổi trội phía Tây trường tiểu học và trường MN xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	1.024.378.000											992.916.000	991.891.000	991.891.000			1.025.000		991.891.000		991.891.000
17	Nâng cấp , cải tạo cầu thông nước xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	219.886.000	207.844.000										9.802.000	9.802.000	9.802.000					9.802.000		217.646.000
18	Xây dựng tuyến đường hoa, dịch chuyển cột điện trên đường trục xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	497.356.000	258.624.000										35.897.000	35.897.000	35.897.000					35.897.000		294.521.000
19	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường liên xã Hoành Sơn - Giao Nhân đoạn từ chùa Nổi đến tỉnh lộ 488B	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	4.980.000.000	2.018.054.000										1.174.059.000	1.144.552.000	1.144.552.000		29.507.000			1.144.552.000		3.162.606.000
20	Xây dựng cống thoát nước ngang đường xã Giao Châu (Đoạn từ cầu Chương đến cống ông Bàng)	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	692.815.000	118.721.000										69.767.000	69.767.000	69.767.000					69.767.000		188.488.000
21	Nâng cấp, cải tạo đường nội bộ phía Đông nghĩa trang nhân dân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	444.981.000	62.091.000										54.844.000	54.844.000	54.844.000					54.844.000		116.935.000
22	Xây dựng đường nội bộ nghĩa trang nhân dân xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	250.000.000	197.636.000										10.500.000	10.500.000	10.500.000					10.500.000		208.136.000
23	Sửa chữa cầu, đường dân sinh đoạn từ nhà văn hóa xã đến xã Bạch Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	485.981.000	9.984.000										448.221.000	448.221.000	448.221.000					448.221.000		458.205.000
24	Xây dựng kè bờ sông, cải tạo, nâng cấp, xây dựng các hạng mục phụ trợ đường dân sinh trên địa bàn xóm 2 và xóm 3 xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	995.000.000	478.346.000										500.366.000	500.366.000	500.366.000					500.366.000		978.712.000
26	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Long (đoạn từ cầu UBND xã đến xóm 21 xã Giao Long) và xây dựng cầu trên tuyến đường trục xã thuộc khu vực xóm 6 xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	9.980.000.000											1.665.672.000	1.665.672.000	1.665.672.000					1.665.672.000		1.665.672.000
27	XD các tuyến đường nội bộ trong khi đất cho ND đấu giá làm nhà ở tại xóm 10 xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	1.100.000.000											30.167.000	30.167.000	30.167.000					30.167.000		30.167.000
28	XD các tuyến đường nội bộ trong khu đất cho ND đấu giá làm nhà ở tại xóm 1 xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	800.000.000											22.217.000	22.217.000	22.217.000					22.217.000		22.217.000
30	CT, NC đường bê tông ND xóm Châu Sơn (đoạn từ nhà bà Trong đến nhà ông Thảo) và X Thủy Thành (đoạn từ kênh Cán Hương đến kênh Văn Bé)	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	892.335.000											878.736.000	878.736.000	878.736.000					878.736.000		878.736.000
31	Cải tạo sửa chữa đường bê tông sân vận động xã Giao Hưng	KBNN khu vực V - PGD số 7	8161449	573.949.000											30.000.000	0			30.000.000			0		0
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Thương mại (321)			**375.032.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**318.546.000**	**318.546.000**	**318.546.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**318.546.000**	**0**	**318.546.000**
1	XD nhà vệ sinh chợ, gờ giảm tốc, biển báo giao thông xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	375.032.000											318.546.000	318.546.000	318.546.000					318.546.000		318.546.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn (332)			**999.335.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**628.630.000**	**628.630.000**	**628.630.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**628.630.000**	**0**	**628.630.000**
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Giao Long, huyện Giao Thủy đến năm 2030	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	319.413.000											251.854.000	251.854.000	251.854.000					251.854.000		251.854.000
2	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Giao Nhân huyện Giao Thủy đến năm 2030	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	303.029.000											100.000.000	100.000.000	100.000.000					100.000.000		100.000.000
3	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Giao Châu, huyện Giao Thủy đến năm 2030	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	324.383.000											224.266.000	224.266.000	224.266.000					224.266.000		224.266.000
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Châu, huyện Giao Thủy	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	52.510.000											52.510.000	52.510.000	52.510.000					52.510.000		52.510.000
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Quản lý nhà nước (341)			**16.656.652.000**	**460.274.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.056.957.000**	**4.706.957.000**	**4.706.957.000**	**0**	**350.000.000**	**0**	**0**	**4.706.957.000**	**0**	**5.167.231.000**
1	Xây dựng phòng làm việc 1 cửa và các hạng mục phụ trợ UBND xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	3.937.831.000											1.823.185.000	1.823.185.000	1.823.185.000					1.823.185.000		1.823.185.000
2	Nâng cấp, cải tạo nhà bếp ăn ban công an xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	990.735.000											489.360.000	489.360.000	489.360.000					489.360.000		489.360.000
3	Xây dựng cổng trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	1.072.790.000											1.038.277.000	1.038.277.000	1.038.277.000					1.038.277.000		1.038.277.000
4	XD các HMPT trụ sở Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	1.147.967.000											1.111.071.000	1.111.071.000	1.111.071.000					1.111.071.000		1.111.071.000
5	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên trụ sở Đảng ủy- HĐND - UBND xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	495.622.000	460.274.000										23.607.000	23.607.000	23.607.000					23.607.000		483.881.000
7	NC, cải tạo phòng họp trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	498.758.000											21.457.000	21.457.000	21.457.000					21.457.000		21.457.000

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Luỹ kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)				
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14*	*15=10-11-14*	*16*	*17=18+19*	*18*	*19*	*20*	*21=16-17-20*	*22*	*23=9+12+18*	*24=7-8-9+13+19*	*25=6-8+11+17-22*
8	NC, CT các HMPT UBND xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	517.949.000											200.000.000	200.000.000	200.000.000					200.000.000		200.000.000
9	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy, UBND xã Giao Hưng	KBNN khu vực V - PGD số 7	8161449	7.995.000.000											350.000.000	0			350.000.000			0		0
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng (371)			**4.815.828.000**	**2.276.177.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.122.464.000**	**1.122.464.000**	**1.122.464.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.122.464.000**	**0**	**3.398.641.000**
1	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	680.410.000	432.887.000										201.540.000	201.540.000	201.540.000					201.540.000		634.427.000
2	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ nghĩa trang liệt sỹ xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	334.249.000											299.421.000	299.421.000	299.421.000					299.421.000		299.421.000
3	Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Giao Nhân. Hạng mục: San lấp, kỳ đài, nhà bia, tường rào, mộ chí, rãnh nước, bồn cây, sân gạch, sân bê tông, cột cờ, điện thắp sáng	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	3.801.169.000	1.843.290.000										621.503.000	621.503.000	621.503.000					621.503.000		2.464.793.000
II	**Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia**			**21.716.005.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	-	-	-	-	**5.267.755.000**	-	**5.267.755.000**
	Vốn trong nước																							
1	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM**			**21.716.005.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	-	-	-	-	**5.267.755.000**	-	**5.267.755.000**
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn NSTW (10492)			**21.716.005.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	**5.267.755.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5267.755.000**	**0**	**5.267.755.000**
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã và kè bờ sông phía Đông (Tuyến từ đập Phai xóm 1 đến cầu Dinh xóm 2) xã Giao Long	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176877	9.949.714.000											2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			0		2000.000.000		2.000.000.000
	Nhà 2 tầng 8 phòng học và các HMPT trường tiểu học xã Giao Châu	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176888	6.912.785.000											2.267.755.000	2.267.755.000	2.267.755.000					2267.755.000		2.267.755.000
	Xây dựng nhà đa năng trường MN xã Giao Nhân	KBNN khu vực V - PGD số 7	7176886	4.853.506.000											1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000					1000.000.000		1.000.000.000
2	***Chương trình mục tiêu quốc gia...***																							
III	**Vốn cấp bằng lệnh chi tiền (nếu có):**																							
IV	**Kế hoạch vốn chưa phân bổ hủy bỏ (nếu có)**																							
1	**Kế hoạch vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chưa phân bổ (nếu có):**																							
2	**Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia chưa phân bổ (nếu có):**																							
V	**Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)**																							
1	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...**																							
	Dự án...																							
2	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...**																							
A.2	**Các dự án không được ghi kế hoạch năm 20… còn dư vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm 20...:**																							
I	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực:**																							
1	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...**																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
	Dự án...																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
2	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...**																							
II	**Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia**																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
1	***Chương trình mục tiêu quốc gia...***																							
	Dự án...																							
	Vốn trong nước																							
	Vốn nước ngoài, trong đó:																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
2	***Chương trình mục tiêu quốc gia...***																							

Ghi chú: (1) Mẫu biểu này dùng chung cho bộ, cơ quan trung ương và chủ đầu tư.
(2) Cơ quan báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định của pháp luật về NSNN.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 7

TRƯỞNG PHÒNG
LƯƠNG MẠNH QUÂN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HẢI TOÀN